

Bản án số: 80/2026/DSST
Ngày: 25 – 6 – 2026
“ *V/v Tranh chấp hợp mua bán* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Hào
2/ Ông Nguyễn Trung Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2025/TLST-DS ngày 21/11/2025 về việc “***Tranh chấp hợp đồng mua bán***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 263/2026/QĐST-DS ngày 26/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Cẩm L, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1/ Anh Lê Văn S, sinh năm 1973 (Tên thường gọi: Cò Cam; vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Hồ Văn M, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp A, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Cẩm L trình bày:*

Ngày 09/9/2025 anh S có dẫn anh M đến nhà chị L mua cam, giá là 2.800đ/kg, đặc cọc cho chị L 5.000.000đ. Đến ngày 19/9/2025 thì anh M đến vườn cam của chị L thỏa thuận mua hết vườn cam số tiền là 48.000.000đ. Khi cắt cam xong thì anh M trả tôi 6.000.000đ. Như vậy tổng cộng anh M đã trả tôi 11.000.000đ và nợ lại 37.000.000đ.

Nay chị L yêu cầu anh M và anh S có nghĩa vụ liên đới trả chị L số tiền còn nợ là 37.000.000đ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2026, anh [Lê Văn S](#) trình bày:* Tuy ông có dẫn anh [M](#) đến gặp bà [L](#) nhưng việc thỏa thuận mua bán cam giữa chị [L](#) và anh [M](#) cụ thể thế nào thì anh [S](#) không biết. Nay chị [L](#) yêu cầu anh [S](#) có nghĩa vụ liên đới với anh [M](#) để trả tiền cho chị [L](#) thì anh không đồng ý vì anh [S](#) không có mua cam của bà [L](#).

- *Đối với bị đơn anh [Hồ Văn M](#):* Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có lời trình bày đối với yêu cầu của người khởi kiện.

+ **Tại phiên tòa:** Chị [L](#) rút lại một phần đối với yêu cầu khởi kiện anh [M](#) và anh [S](#) trả lại số tiền nợ 20.000.000đ là chỉ yêu cầu anh [M](#) có nghĩa vụ trả số tiền mua cam còn nợ là 17.000.000đ (đơn khởi kiện là 37.000.000đ). Chị [L](#) rút lại yêu cầu anh [S](#) cùng có nghĩa vụ liên đới trả chị [L](#) số tiền 17.000.000đ.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:**

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Lê Cẩm L](#).

+ Buộc anh [Hồ Văn M](#) có nghĩa vụ trả chị [L](#) số tiền mua cam còn nợ là 17.000.000đ. (Mười bảy triệu đồng).

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị [L](#) về việc yêu cầu anh [M](#) và anh [S](#) trả lại số tiền 20.000.000đ.

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị [L](#) về việc yêu cầu anh [S](#) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 17.000.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự và nơi thực hiện hợp đồng tại [xã H, tỉnh Vĩnh Long](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

Về thủ tục tố tụng:

Nhận thấy bị đơn anh [M](#) vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; anh [S](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh [M](#) và anh [S](#).

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của bà L yêu cầu anh M trả số tiền mua cam còn nợ là 17.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Ngày 09/9/2025 anh S có dẫn anh M đến nhà chị L mua cam, giá là 2.800đ/kg, đặc cọc cho chị L 5.000.000đ. Đến ngày 19/9/2025 thì anh M đến vườn cam của chị L thỏa thuận mua hết vườn cam. Khi cắt cam xong thì anh M trả chị L thêm 6.000.000đ. Tổng cộng anh M đã trả chị L số tiền 11.000.000đ và còn nợ lại 17.000.000đ. Đồng thời chị L có nộp cho Tòa án nội dung tin nhắn trong ứng dụng “Zalo” giữa bà L và anh M thể hiện nội dung anh M còn nợ chị L số tiền là 17.000.000đ.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho anh M nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình là không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Căn cứ vào mục [1] và [2], có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh M trả số tiền mua cam còn nợ là 17.000.000đ.

[2] Xét việc chị L rút lại một phần yêu cầu về việc yêu cầu anh M và anh S trả lại số tiền 20.000.000đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét việc chị L rút lại một phần yêu cầu anh S cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 17.000.000đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Anh M phải nộp số tiền 850.000đ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, 40, 91, 92, 147, 227, 228, 244 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 và 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Cẩm L.

2/ Buộc anh Hồ Văn M có nghĩa vụ trả chị L số tiền mua cam còn nợ là 17.000.000đ. (Mười bảy triệu đồng).

3/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh M và anh S trả lại số tiền 20.000.000đ.

4/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh S cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 17.000.000đ.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh M phải nộp số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi ngàn đồng)

+ Chị L không phải nộp án phí. Hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000đ theo lai thu số 0010138 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- Phòng THADS Kv4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Mẫn